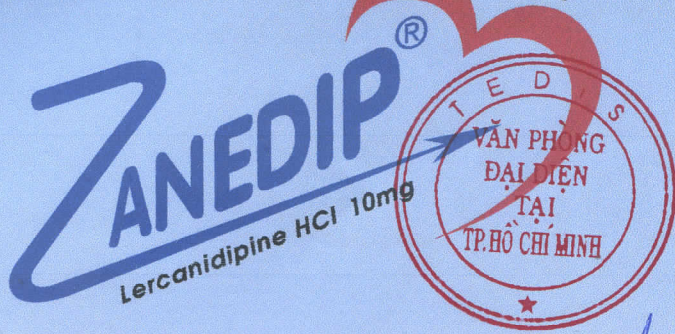


THUỐC CHEN CALCI THỂ HỆ THỨ 3⁽⁵⁾

06/12/2013

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Zanedip 10 mg viên nén bao phim

THÀNH PHẦN: Zanedip 10 mg: một viên chứa 10 mg lercanidipine hydrochloride tương đương với 9,4 mg lercanidipine. **Tá dược:** lactose monohydrate, cellulose vi tinh thể, sodium starch glycolate, povidone K30, magnesi stearat, hypromellose, bột talc, titanium dioxide (E171), macrogol 6000, và oxit sắt (E172). **QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 1 vỉ x 28 viên, hộp 2 vỉ x 14 viên. **NHÓM DƯỢC LÝ TRỊ LIỆU:** Lercanidipine thuộc nhóm thuốc chuyên biệt chặn kênh canxi (nhóm dihydropyridine), dùng để điều trị tăng huyết áp. **CHỈ ĐỊNH:** Zanedip dùng để điều trị tăng áp lực máu, còn gọi là tăng huyết áp. Không dùng cho trẻ em dưới 18 tuổi. **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** Mẫn cảm hoặc dị ứng với lercanidipine. Dị ứng với bất kỳ thành phần tá dược nào có trong Zanedip. Đã từng dị ứng với các thuốc tương tự Zanedip (như amlodipine, nicardipine, felodipine, isradipine, nifedipine hoặc lacidipine). Đang mang thai hoặc cho con bú. **Mắc các bệnh tim như sau:** suy tim không kiểm soát được, tắc nghẽn dòng máu từ tim, đau thắt ngực không ổn định (đau thắt ngực lúc nghỉ ngơi hoặc tiến triển), trong vòng một tháng của cơn đau tim. Mắc bệnh gan hoặc thận nghiêm trọng. **Không nên dùng Zanedip khi đang sử dụng các thuốc ức chế CYP3A4 isoenzyme:** thuốc chống nấm (ketoconazole hoặc itraconazole), thuốc kháng sinh cấu trúc macrolide (erythromycin hoặc troleandomycin), thuốc kháng vi rút (ritonavir), sử dụng đồng thời với cyclosporin. Nên tránh ăn bưởi hoặc uống nước bưởi trong thời gian dùng Zanedip. **THẬN TRỌNG:** Nếu đang mắc một số bệnh tim nào khác hoặc mang máy điều nhịp, có vấn đề ở gan, thận hoặc đang thẩm phân, không dung nạp lactose, bị galactose máu hoặc hội chứng kém hấp thụ glucose/galactose. **TƯƠNG TÁC THUỐC:** Hiệu quả của Zanedip và một số thuốc có thể tăng lên nếu dùng chung: thuốc ức chế CYP3A4 isoenzyme: thuốc chống nấm (ketoconazole hoặc itraconazole), thuốc kháng sinh cấu trúc macrolide (erythromycin hoặc troleandomycin), thuốc kháng vi rút (ritonavir). Thuốc chặn bê ta, thuốc lợi tiểu hoặc các thuốc ức chế men chuyển angiotensin (thuốc điều trị tăng huyết áp), cho dù các thuốc này có thể an toàn khi dùng cùng với Zanedip, cimetidine (với liều trên 800 mg), digoxin, midazolam, rifampicin, astemizole, terfenadine, amiodarone hoặc quinidine, phenytoin hoặc carbamazepine, các thuốc làm giảm sức đề kháng của cơ thể (như cyclosporin), bưởi hoặc uống nước bưởi. Uống rượu trong thời gian điều trị với Zanedip có thể làm tăng tác dụng của thuốc Zanedip, vì vậy nên bỏ rượu hoặc hết sức hạn chế các đồ uống có rượu. **CÁCH DÙNG:** Thường xuyên uống mỗi ngày một viên Zanedip 10 mg vào cùng một thời gian nhất định, tốt nhất là vào buổi sáng ít nhất 15 phút trước bữa ăn điểm tâm, vì một bữa ăn nhiều mỡ làm tăng đáng kể hàm lượng thuốc trong máu. Có thể tăng liều lên một viên Zanedip 20 mg một ngày, nếu thấy cần thiết. Nên nuốt viên thuốc nguyên vẹn với nước. Không được dùng quá liều chỉ định. Dùng quá liều Zanedip có thể làm hạ huyết áp quá mức và tim sẽ đập không đều hoặc đập nhanh hơn. Cũng có thể gây mất ý thức. Nếu quên uống thuốc: hãy uống thuốc càng sớm càng tốt khi nhớ ra, trừ khi gần ngay lần uống tiếp theo. Sau đó tiếp tục uống thuốc như trước. Không uống liều gấp đôi. **TÁC DỤNG NGOẠI Ý:** Đôi khi có thể gặp một số tác dụng ngoại ý như đỏ bừng mặt, phù ngoại biên, đánh trống ngực, nhức đầu, chóng mặt, mỏi mệt. Thỉnh thoảng gặp rối loạn tiêu hóa như khó tiêu, buồn nôn, đau thượng vị, tiêu chảy, tăng thể tích nước tiểu, đi tiểu luôn, phát ban, mệt mỏi, buồn ngủ, đau cơ. Hiếm gặp hạ huyết áp. Các trường hợp tăng men gan (transaminases) lẻ tẻ hoặc thuận nghịch có được báo cáo. Những thuốc khác của nhóm dihydropyridine, trong những trường hợp hiếm gặp, có thể gây tăng sản lợi (dày lợi). Với bệnh nhân đau thắt ngực, những thuốc này có thể làm tăng tần số và độ nghiêm trọng của cơn đau thắt ngực. **Bảo quản:** Giữ thuốc trong bao bì gốc. Bảo quản thuốc nơi khô ráo ở nhiệt độ phòng. Để thuốc xa tầm tay trẻ em. Không dùng viên thuốc quá hạn sử dụng. **Hạn dùng:** 36 tháng. **Tiêu chuẩn:** Nhà sản xuất. **Nhà sản xuất:** Recordati Industria Chimica Farmaceutica S.p.A Via Civitali 1 - 20148, Milan - Italy.

CTCP DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
Nhà Phân Phối
04 lô A Trường Sơn, P.15, Q.10, TP.HCM
Tel: (08)3970 3695.



CN HÀ NỘI B14/D13 Khu ĐTM Cầu Giấy, P. Dịch Vọng,
Q. Cầu Giấy - Tel: (04)3784 3937.

CN ĐÀ NẴNG Lô 13 Hồ Quý Ly, P. Hoa Minh,
Q. Liên Chiểu - Tel: (051)1374 1168

VPĐD TẠI TP.HCM
Toà nhà BROADWAY C, tầng 4, 150 Nguyễn Lương Bằng,
P. Tân Phú, Q.7 - Tel: (84)8. 5413 5188

VPĐD TẠI HÀ NỘI
Toà nhà Giảng Võ Lake View, Phòng 202, D10 Giảng Võ,
Q. Ba Đình - Tel: (84)8. 3772 3819

